

PHỤ LỤC
BẢNG SO SÁNH VÀ THUYẾT MINH LÝ DO SỬA ĐỔI

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	CHƯƠNG II- SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 22/2013/TT-NHNN HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN VAY NƯỚC NGOÀI VÀ KHOẢN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH		
1	Điều 3. Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh 1. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế: b) Hồ sơ pháp lý của Bên đi vay bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy phép hoặc Quyết định thành lập Bên đi vay hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật và các bản sửa đổi (nếu có); c) Bản sao Thư bảo lãnh của Bộ Tài chính (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền theo pháp luật của Bên đi vay);	Điều 6. Sửa đổi một số khoản của Điều 3 của Thông tư 22/2013/TT-NHNN như sau: 1. Bãi bỏ điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư 22/2013/TT-NHNN: Điều 3. Thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh 1. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế: b) Hồ sơ pháp lý của Bên đi vay bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy phép hoặc Quyết định thành lập Bên đi vay hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật và các bản sửa đổi (nếu có);	Nghị quyết 66/NQ – CP đề ra mục tiêu năm 2025 về việc tiếp tục tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh đạt mục tiêu cụ thể như sau: <i>“a) Cắt giảm, đơn giản hoá ngay thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các thủ tục hành chính, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.</i> <i>b) 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ” ...</i>

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	... 2. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế: ... b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế. Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Ngân hàng Nhà nước bao gồm các nội dung chính sau: Bên đi vay, Bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài song phương, khoản vay nước ngoài hợp vốn không sử dụng Đại diện Bên cho vay) hoặc Đại diện Bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài hợp vốn, khoản phát hành trái phiếu quốc tế sử dụng Đại diện Bên cho vay, Đại diện các trái chủ); các đại lý liên quan đến khoản	c) Bản sao Thư bảo lãnh của Bộ Tài chính (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền theo pháp luật của Bên đi vay); ... 2. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 3 như sau: “2. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài hoặc khoản phát hành trái phiếu quốc tế. Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế của Ngân hàng Nhà nước bao gồm các nội dung chính sau: Bên đi vay, Bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài song phương, khoản vay nước ngoài hợp vốn không sử dụng Đại diện Bên cho vay) hoặc Đại diện Bên cho vay (đối với khoản vay nước ngoài hợp vốn, khoản phát hành trái phiếu quốc tế sử dụng Đại diện Bên cho vay, Đại diện các trái chủ); các đại lý liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có); các điều kiện cơ bản của khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (kim ngạch vay, tổng trị giá khoản phát	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có); các điều kiện cơ bản của khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (kim ngạch vay, tổng trị giá khoản phát hành trái phiếu quốc tế; mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài, vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế; lãi suất; lãi phạt; phí; hình thức bảo đảm; thời hạn vay; kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ gốc, lãi); tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi Bên đi vay mở tài khoản rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế và các nội dung khác liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.	hành trái phiếu quốc tế; mục đích sử dụng vốn vay nước ngoài, vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế; lãi suất; lãi phạt; phí; hình thức bảo đảm; thời hạn vay; kế hoạch rút vốn, kế hoạch trả nợ gốc, lãi); tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép nơi Bên đi vay mở tài khoản rút vốn, trả nợ khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế và các nội dung khác liên quan đến khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do”.	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
2	Điều 4. Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh 2. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế: c) Bản sao thư hoặc phụ lục điều chỉnh thư bảo lãnh của Bộ Tài chính (nếu có). ... 3. Trình tự thực hiện xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế: b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái	Điều 7. Sửa đổi Điều 4 của Thông tư 22/2013/TT-NHNN như sau: 1. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư 22/2013/TT-NHNN. Điều 4. Thủ tục đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ bảo lãnh 2. Hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc tế: c) Bản sao thư hoặc phụ lục điều chỉnh thư bảo lãnh của Bộ Tài chính (nếu có). 2. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư 22/2013/TT-NHNN như sau: “b) Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên đi vay, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên đi vay văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu quốc	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	phiếu quốc tế. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.	tế. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, khoản phát hành trái phiếu, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do”.	
3		Điều 8. Sửa đổi các Phụ lục của Thông tư 22/2013/TT-NHNN như sau: 1. Thay thế Phụ lục 1A, 1B, 2A, 2B Thông tư 22/2013/TT-NHNN bằng Phụ lục I, II, III, IV ban hành kèm theo Thông tư này.	Như trên
CHƯƠNG III. SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 37/2013/TT-NHNN NGÀY 31/12/2013 HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC CHO VAY RA NƯỚC NGOÀI VÀ THU HỒI NỢ BẢO LÃNH CHO NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ			
4	Điều 7. Hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài 2. Hồ sơ pháp lý của Bên cho vay bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép hoặc Quyết	Điều 9. Sửa đổi Điều 7 của Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau: Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 7 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau: Điều 7. Hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài 	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	định thành lập Bên cho vay theo quy định của pháp luật (nếu có) và các bản sửa đổi (nếu có). 3. Bản sao (có xác nhận của Bên cho vay) văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế. ...	2. Hồ sơ pháp lý của Bên cho vay bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép hoặc Quyết định thành lập Bên cho vay theo quy định của pháp luật (nếu có) và các bản sửa đổi (nếu có). 3. Bản sao (có xác nhận của Bên cho vay) văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế. ...	
5	Điều 8. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài ... 2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên cho vay văn bản xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài bao	Điều 10. Sửa đổi Điều 8 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau: <i>“1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận cho vay và trước khi thực hiện giải ngân cho vay, Bên cho vay gửi một (01) bộ hồ sơ đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của Tổ chức kinh tế theo một trong ba cách thức nộp hồ sơ như sau:</i>	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	gồm các nội dung chính sau: Bên cho vay; bên đi vay; các điều kiện cơ bản của khoản cho vay ra nước ngoài như kim ngạch cho vay, mục đích cho vay ra nước ngoài, lãi suất cho vay, lãi phạt, phí, hình thức bảo đảm, kế hoạch giải ngân, kế hoạch thu hồi nợ (gốc, lãi); tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản và các nội dung khác liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.	a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước; c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.”. 2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên cho vay văn bản xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài bao gồm các nội dung chính sau: Bên cho vay; bên đi vay; các điều kiện cơ bản của khoản cho vay ra nước ngoài như kim ngạch cho vay, mục đích cho vay ra nước ngoài, lãi suất cho vay, lãi phạt, phí, hình thức bảo đảm, kế hoạch giải ngân, kế hoạch thu hồi nợ (gốc, lãi); tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản và các nội dung khác liên quan đến khoản cho vay ra nước ngoài (nếu có). Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.”	
6	Điều 9. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài	Điều 11. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	.. 2. Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm: ... d) Bản sao (có xác nhận của Bên cho vay) văn bản nêu ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về nội dung thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế (trường hợp thay đổi tăng số tiền cho vay hoặc kéo dài thời hạn khoản cho vay ra nước ngoài hoặc thay đổi bên cho vay). ... e) Văn bản của Bên cho vay giải trình rõ về nội dung thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (áp dụng với trường hợp không có thành phần hồ sơ nêu tại điểm b, c Khoản này).	Bãi bỏ điểm d, e khoản 2 Điều 9 Thông tư 37/2013/TT-NHNN; Điều 9. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài .. 2. Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm: ... d) Bản sao (có xác nhận của Bên cho vay) văn bản nêu ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về nội dung thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế (trường hợp thay đổi tăng số tiền cho vay hoặc kéo dài thời hạn khoản cho vay ra nước ngoài hoặc thay đổi bên cho vay). ... e) Văn bản của Bên cho vay giải trình rõ về nội dung thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài (áp dụng với trường hợp không có thành phần hồ sơ nêu tại điểm b, c Khoản này).	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
7	Điều 10. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài ... 2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên cho vay văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài. 	Điều 12. Sửa đổi khoản 2 Điều 10 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau “2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên cho vay văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài.”	
	Điều 11. Hồ sơ đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh 1. Trường hợp khoản thu hồi nợ bảo lãnh từ hoạt động bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế, hồ sơ đăng ký bao gồm: ... b) Hồ sơ pháp lý của Bên bảo lãnh bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép hoặc	Điều 13. Sửa đổi Điều 11 Thông tư 37/2013/TT-NHNN Bãi bỏ điểm b, c Khoản 1 Điều 11 Thông tư 37/2013/TT-NHNN; Điều 11. Hồ sơ đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh 1. Trường hợp khoản thu hồi nợ bảo lãnh từ hoạt động bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế, hồ sơ đăng ký bao gồm: ... b) Hồ sơ pháp lý của Bên bảo lãnh bao gồm: Bản sao được chứng thực từ bản chính Giấy	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	Quyết định thành lập Bên bảo lãnh theo quy định của pháp luật (nếu có) và các bản sửa đổi (nếu có) c) Bản sao (có xác nhận của Bên bảo lãnh) văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với việc tổ chức kinh tế bảo lãnh cho người không cư trú. ...	chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp), Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép hoặc Quyết định thành lập Bên bảo lãnh theo quy định của pháp luật (nếu có) và các bản sửa đổi (nếu có) e) Bản sao (có xác nhận của Bên bảo lãnh) văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với việc tổ chức kinh tế bảo lãnh cho người không cư trú.	
8	Điều 12. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh ... 2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh bao gồm các nội dung chính sau: Bên bảo lãnh hoặc Đại	Điều 14. Sửa đổi Điều 12 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau: Sửa đổi khoản 2 Điều 12 như sau [TTTB(1)]^{ILQV(2)} “2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh bao gồm các nội dung chính sau: Bên bảo lãnh hoặc Đại diện bên bảo lãnh; bên được bảo lãnh;	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	diện bên bảo lãnh; bên được bảo lãnh; bên nhận bảo lãnh; các điều kiện cơ bản của khoản thu hồi nợ bảo lãnh: hạn mức bảo lãnh, số tiền đã bảo lãnh, mục đích bảo lãnh, lãi suất thu hồi nợ, lãi phạt, phí, kế hoạch thu hồi nợ; tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản và các nội dung khác liên quan đến khoản thu hồi nợ bảo lãnh (nếu có). ...	<i>bên nhận bảo lãnh; các điều kiện cơ bản của khoản thu hồi nợ bảo lãnh: hạn mức bảo lãnh, số tiền đã bảo lãnh, mục đích bảo lãnh, lãi suất thu hồi nợ, lãi phạt, phí, kế hoạch thu hồi nợ; tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tài khoản và các nội dung khác liên quan đến khoản thu hồi nợ bảo lãnh (nếu có) ”.</i>	
	Điều 13. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh Trường hợp có thay đổi bất kỳ nội dung nào liên quan đến khoản thu hồi nợ bảo lãnh nêu tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh, bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư này. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh bao gồm:	Điều 15. Sửa đổi Điều 13 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau: Bãi bỏ khoản 3, 5 Điều 13 Thông tư 37/2013/TT-NHNN. Điều 13. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh Trường hợp có thay đổi bất kỳ nội dung nào liên quan đến khoản thu hồi nợ bảo lãnh nêu tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh, bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh có trách nhiệm thực hiện đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh theo quy định	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	... 3. Bản sao (có xác nhận của Bên bảo lãnh) văn bản nêu ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về nội dung thay đổi liên quan đến việc bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế (trường hợp thay đổi tăng số tiền bảo lãnh của tổ chức kinh tế hoặc kéo dài thời hạn bảo lãnh của khoản bảo lãnh hoặc thay đổi bên bảo lãnh). ... 5. Văn bản của bên bảo lãnh giải trình rõ về nội dung thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh (áp dụng với trường hợp không có thành phần hồ sơ nêu tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này).	tại Điều 14 Thông tư này. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh bao gồm: ... 3. Bản sao (có xác nhận của Bên bảo lãnh) văn bản nêu ý kiến chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ về nội dung thay đổi liên quan đến việc bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế (trường hợp thay đổi tăng số tiền bảo lãnh của tổ chức kinh tế hoặc kéo dài thời hạn bảo lãnh của khoản bảo lãnh hoặc thay đổi bên bảo lãnh). ... 5. Văn bản của bên bảo lãnh giải trình rõ về nội dung thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh (áp dụng với trường hợp không có thành phần hồ sơ nêu tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này).	
9	Điều 14. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh ...	Điều 16. Sửa đổi Điều 14 Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như TTTB(3) sau:	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh. ...	“2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước gửi Bên bảo lãnh hoặc đại diện bên bảo lãnh văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản thu hồi nợ bảo lãnh”.	
		Điều 17. Sửa đổi các Phụ lục của Thông tư 37/2013/TT-NHNN như sau: Thay thế Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 của Thông tư 37/2013/TT-NHNN bằng Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.	Như trên
CHƯƠNG IV. SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 10/2016/TT-NHNN HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 135/2015/NĐ-CP NGÀY 31/12/2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI			
10	Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp đầu tư khác	Điều 1. Sửa đổi Điều 6 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau:	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	1. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp đầu tư khác quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP: b) Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính; 2. Trình tự, thủ tục đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét các trường hợp đầu tư khác quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2015/NĐ-CP: c) Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ	1. Bãi bỏ điểm b khoản 1. 2. Sửa đổi điểm c khoản 2 như sau: Trong thời hạn 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến của các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản này và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến của các cơ quan quy định tại Điểm b Khoản này và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; ...		
11	Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài 1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải được lập bằng tiếng Việt, bao gồm: ... c) Bản sao văn bản quyết toán thuế hoặc văn bản xác nhận của cơ quan thuế chứng minh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam, không có nợ thuế với ngân sách nhà nước; ...	Điều 2. Sửa đổi Điều 13 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau: 1. Bãi bỏ điểm c khoản 1. 2. Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: ... b) Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.		
12	Điều 14. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài 1. Trường hợp tự nguyện đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: ...	Điều 3. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	c) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp. ...	ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp.	
	Điều 15. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài 1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải được lập bằng tiếng Việt: ... c) Bản sao văn bản quyết toán thuế hoặc văn bản xác nhận của cơ quan thuế chứng minh việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam, không có nợ thuế với ngân sách nhà nước;	Điều 4. Sửa đổi Điều 15 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau: 1. Bãi bỏ điểm c khoản 1. 2. Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau: Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	... 2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: ... b) Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài cho ngân hàng thương mại. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.		
13	Điều 16. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài 1. Trường hợp tự nguyện đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:	Điều 5. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 16 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của ngân hàng thương mại.	Nhu trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	... c) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của ngân hàng thương mại.		
14	Điều 23. Hồ sơ, trình tự đăng ký, xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời ... 2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời, căn cứ tình hình thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài năm trước liền kề, tỷ lệ đầu tư an toàn của tổ chức tự doanh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời cho tổ chức tự doanh. Trường hợp từ	Điều 6. Sửa đổi khoản 2 Điều 23 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau: Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời, căn cứ tình hình thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài năm trước liền kề, tỷ lệ đầu tư an toàn của tổ chức tự doanh, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời cho tổ chức tự doanh. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.		
15	Điều 25. Hồ sơ, trình tự đăng ký, xác nhận đăng ký hạn mức nhận ủy thác tạm thời 2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký hạn mức nhận ủy thác đầu tư tạm thời, căn cứ tình hình thực hiện nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài năm trước liền kề của tổ chức nhận ủy thác, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký hạn mức nhận ủy thác tạm thời. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.	Điều 7. Sửa đổi khoản 2 Điều 25 Thông tư 10/2016/TT-NHNN như sau: Trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đăng ký hạn mức nhận ủy thác đầu tư tạm thời, căn cứ tình hình thực hiện nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài năm trước liền kề của tổ chức nhận ủy thác, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký hạn mức nhận ủy thác tạm thời. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.	Như trên
16		Điều 8. Sửa đổi, thay thế các Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-NHNN như sau: 1. Thay thế Phụ lục 01 – Mẫu Đơn đề nghị cho phép thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
		ngoài bằng Phụ lục 01 (ban hành kèm theo Thông tư này). 2. Thay thế Phụ lục 03 – Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng Phụ lục 02 (ban hành kèm theo Thông tư này). 3. Thay thế Phụ lục 04 – Mẫu Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng Phụ lục 03 (ban hành kèm theo Thông tư này). 4. Thay thế Phụ lục 05 – Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng Phụ lục 04 (ban hành kèm theo Thông tư này). 5. Thay thế Phụ lục 06 – Mẫu Đơn đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng Phụ lục 05 (ban hành kèm theo Thông tư này). 6. Thay thế Phụ lục 07 – Mẫu Đơn đăng ký hạn mức tự doanh bằng Phụ lục 06 (ban hành kèm theo Thông tư này).	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
		7. Thay thế Phụ lục 08 – Mẫu Đơn đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời bằng Phụ lục 07 (ban hành kèm theo Thông tư này). 8. Thay thế Phụ lục 09 – Mẫu Đơn đăng ký hạn mức tự doanh tạm thời bằng Phụ lục 08 (ban hành kèm theo Thông tư này). 9. Thay thế Phụ lục 10 – Mẫu Đơn đăng ký hạn mức nhận ủy thác tạm thời bằng Phụ lục 08 (ban hành kèm theo Thông tư này).	
	CHƯƠNG V – SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 12/2016/TT-NHNN NGÀY 29/6/2016 HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI (ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỞI THÔNG TƯ 24/2022/TT-NHNN NGÀY 30/12/2022 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)		
17	Điều 9. Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài bao gồm: 2. Bản sao được cấp từ sổ sách hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu	Điều 26. Sửa đổi Điều 9 như sau: Bãi bỏ khoản 2 và khoản 6 Điều 9. Điều 9. Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài Hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài bao gồm: 	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính. ... 6. Văn bản giải trình về nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam đối với trường hợp chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam.	2. Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính. ... 6. Văn bản giải trình về nhu cầu chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài bằng đồng Việt Nam đối với trường hợp chuyển vốn đầu	
18	Điều 10. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài ... 2. Nhà đầu tư gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 (một) bộ	Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau: 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau: “2. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài đến cơ quan có thẩm	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 9 Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. 3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hồ sơ. 4. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ của nhà đầu tư. 5. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	quyền theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này theo một trong ba cách thức sau: a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước (đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng) hoặc tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng); c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.”. 2. Bổ sung khoản 2a, 2b, 2c như sau: “2a. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước (đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng) hoặc tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
		nhánh khu vực (đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng) theo thẩm quyền quy định tại Điều 8 Thông tư này. 2b. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) hoặc được khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. 2c. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu tại hồ sơ đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.”. 3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 10. 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 như sau: “4. Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử gửi nhà đầu tư trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.” 5. Bãi bỏ khoản 5 Điều 10.	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
19	Điều 12. Hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài ...3. Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (áp dụng đối với các trường hợp thay đổi quy định tại điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư này). Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính. ...	Điều 28. Sửa đổi Điều 12 như sau: Bãi bỏ khoản 3 Điều 12. Điều 12. Hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài ...3. Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đã được điều chỉnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (áp dụng đối với các trường hợp thay đổi quy định tại điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư này). Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.	Như trên
20	Điều 13. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên, quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài	Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau: 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	2. Khi thực hiện đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 12 Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối hoặc nơi xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối lần gần nhất đối với trường hợp đã đăng ký thay đổi. 3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hồ sơ. 4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng; Nhà nước có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi cho nhà đầu tư. 5. Trường hợp từ chối xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối	“2. Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 12 Thông tư này đến cơ quan có thẩm quyền nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối hoặc nơi xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối lần gần nhất đối với trường hợp đã đăng ký thay đổi theo một trong ba cách thức sau: a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia; b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước (đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng) hoặc tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực (đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng); c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.”. 2. Bổ sung khoản 2a, 2b, 2c như sau: “2a. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước (đối với nhà đầu tư là tổ chức tín dụng) hoặc tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực (đối với nhà đầu tư không phải là tổ chức tín dụng) nơi xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối hoặc nơi xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối lần gần nhất đối với trường hợp đã đăng ký thay đổi. 2b. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) hoặc được khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. 2c. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin nêu tại hồ sơ đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.”. 3. Bãi bỏ khoản 3 Điều 13. 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:	

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
		“Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký thay đổi đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực có trách nhiệm xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi cho nhà đầu tư dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.”. 5. Bãi bỏ khoản 5 Điều 13.	
21		Điều 30. Sửa đổi các Phụ lục của Thông tư 12/2016/TT-NHNN ngày 29/6/2016 như sau: 1. Thay thế Phụ lục 01 – Mẫu Đơn đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài bằng Phụ lục XVIII (ban hành kèm Thông tư này). 2. Thay thế Phụ lục 02 – Mẫu Đơn đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài bằng Phụ lục XIX (ban hành kèm Thông tư này).	Như trên
CHƯƠNG VI. SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 10/2022/TT-NHNN HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH			

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
22	Điều 4. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ 1. Tổ chức phát hành gửi 01 bộ hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư này theo 01 trong 03 cách thức sau: a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước; ... 2. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại	Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau: 1. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau: “a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia;” 2. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau: “Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước.” 3. Sửa đổi khoản 3 Điều 4 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau:	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước. 3. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF), trừ Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế và Đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế được khai trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước. ...	“3. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF) hoặc được khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.”	
23	Điều 6. Hồ sơ đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế Hồ sơ đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế bao gồm: ... 2. Hồ sơ pháp lý của tổ chức phát hành bao gồm: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư và các văn bản sửa đổi (nếu có). ...	Điều 32. Sửa đổi Điều 6 Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau: Bãi bỏ khoản 2 và khoản 8 Thông tư 10/2022/TT-NHNN. Điều 6. Hồ sơ đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế Hồ sơ đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế bao gồm: ... 2. Hồ sơ pháp lý của tổ chức phát hành bao gồm: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập hoặc	Như trên

STT	Quy định tại hiện hành	Quy định tại Dự thảo Thông tư	Lý do sửa đổi
	8. Bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế (áp dụng đối với tổ chức phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán).	Giấy chứng nhận đầu tư và các văn bản sửa đổi (nếu có). ... 8. Bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế (áp dụng đối với tổ chức phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán).	
24		Điều 33. Sửa đổi các Phụ lục của Thông tư 10/2022/TT-NHNN như sau: 1. Thay thế Phụ lục 01 – Mẫu Đơn đăng ký khoản phát trái phiếu quốc tế bằng Phụ lục XX (ban hành kèm Thông tư này). 2. Thay thế Phụ lục 03 – Mẫu Đơn đăng ký thay đổi khoản phát trái phiếu quốc tế bằng Phụ lục XXI (ban hành kèm Thông tư này).	Như trên